TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** **Bản án số 35/2026/HNGĐ-ST** Ngày 10.02.2026 *V/v "Ly hôn, nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường và bà Lê Thị Nhớ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 216/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Ngô Hồ Thị T, sinh năm 1991; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thiện P, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: K đường H, Tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Thiện P kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Trong thời gian tháng 7/2023 đến nay, cuộc sống gia đình không cùng hoà hợp hạnh phúc với nhau, nhiều lần cãi vả và lại tha thứ nhưng vẫn cảm thấy không còn chung đường nhau. Ông P có mối quan hệ bất hợp pháp bên ngoài là nguyên nhân chính dẫn đến việc tôi yêu cầu ly hôn. Nay tôi xác định mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông P.

* Về con chung: Tôi và ông P có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/5/2013; Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 27/5/2015 và Nguyễn Thiện Minh K, sinh ngày 01/01/2019. Tôi có nguyện vọng nuôi 03 con và không yêu cầu cấp dưỡng.

* Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông P tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông P không có mặt nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà T được ly hôn với ông P; giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P ông đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Ngô Hồ Thị T và ông Nguyễn Thiện P là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn phường T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà T có mặt; ông P là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường T, thành phố Đà Nẵng), đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T và ông P đã phát sinh mâu thuẫn. Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, nhiều lần cãi vả. Mâu thuẫn kéo

dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hiện nay hai người đã sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà T ông P thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông P nhưng ông P vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc bà T yêu cầu ly hôn và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà T ông P đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông P là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông P có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/5/2013; Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 27/5/2015 và Nguyễn Thiện Minh K, sinh ngày 01/01/2019. Bà T có nguyện vọng nuôi 03 con, cháu Y và Ý có nguyện vọng ở với mẹ. Các con đều đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, ông P không đến Toà án để làm việc và không gửi ý kiến trình bày cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không biết yêu cầu về việc nuôi con chưa thành niên như thế nào. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 03 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà T xác định không có, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Hồ Thị T về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* đối với ông Nguyễn Thiện P.

2. **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thiện P.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/5/2013; Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 27/5/2015 và Nguyễn Thiện Minh K, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Ngô Hồ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông Nguyễn Thiện P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Ngô Hồ Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003001 ngày 07.10.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Ngô Hồ Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Cường

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.